TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2018/DSST
Ngày 15-11-2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thu Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2018/TLST–DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST–DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng S**

Địa chỉ: số 77, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn L** – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng S.

Người đại diện theo ủy quyền: - Ông **Đỗ Tấn S** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S – Chi nhánh K. Theo Giấy ủy quyền số 127/UQ-TGĐ ngày 30/5/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng S.

- Ông **Lê Văn K –** Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng S - Chi nhánh K. Theo Giấy ủy quyền số 127/UQ-TGĐ ngày

30/5/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng S và Quyết định phân công số 99/QĐ-SHB.KG ngày 03/5/2018 của Giám đốc Ngân hàng S – Chi nhánh K.

** Bị đơn:* - Ông **Phạm Cao C1** – sn 1970 *(vắng mặt lần 2, không lý do)*

- Bà **Lê Kim C2** – sinh năm 1976 *(vắng mặt lần 2, không lý do)*

Cùng địa chỉ: số 448, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh **Phạm T.A** – sinh năm 1994 *(vắng mặt lần 2, không lý do)*
- Chị **Phạm Thị L.A** – sinh năm 1995 *(vắng mặt lần 2, không lý do)*
- Chị **Phạm Thị Lê K.A** – sinh năm 1998 *(vắng mặt lần 2, không lý do)*

Cùng địa chỉ: số 448, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng S ông Lê Văn K trình bày:***

Vào ngày 29/3/2016, Ngân hàng S – Chi nhánh K, Phòng giao dịch T có ký Hợp đồng Tín dụng trung dài hạn số 057/2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130601 với ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2, cụ thể như sau:

- Số tiền vay là 770.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng)
- Mục đích vay: Bổ sung vốn trồng lúa và đầu tư nuôi tôm công nghiệp
- Thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên.
- Lãi suất vay trong hạn: lãi suất cho vay ưu đãi 7%/năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Sau thời hạn trên lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo tối thiểu bằng mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau cao nhất của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với biên độ tối thiểu 3.7%/năm.
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn.
- Lãi suất phạt chậm trả lãi: bằng 150% lãi suất vay trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm chậm trả lãi.
- Phương thức trả lãi: 06 tháng/lần, ngày trả lãi đầu tiên: 25/9/2016.
- Phương thức trả gốc: trả nợ nhiều lần, ngày trả gốc đầu tiên: 25/9/2016. Hai bên sẽ thỏa thuận lịch trả nợ cụ thể.
- Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đối với thửa đất số 300 và 446-a, tờ bản đồ

số 15, tổng diện tích 26.255m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, vườn và hai vụ lúa, được Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 464053, ngày 22/9/2004, mang tên hộ ông (bà) Phạm Cao C1, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; theo Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 057/2016/HĐTC-CN/SHB.130601 ngày 29/3/2016 giữa Ngân hàng S với ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2, anh Phạm T.A, chị Phạm Thị L.A và chị Phạm Thị Lê K.A.

Sau đó ngày 30/3/2016, ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 đã ký Khế ước nhận nợ số 01/2016/KUNN-CN với Ngân hàng S, trong đó ông C1, bà C2 đã ký nhận nợ vay với số tiền là 770.000.000đ và hai bên cũng thỏa thuận lịch trả nợ cụ thể như sau: từ kỳ 1 đến kỳ 9 mỗi kỳ trả 20.000.000đ vào ngày 25, kỳ 10 trả hết số tiền gốc còn lại vào ngày 30/3/2021. Trong quá trình vay vốn, ông Phạm Cao C1 và bà Lê Kim C2 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo định kỳ đã thỏa thuận với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông C1, bà C2 về việc món vay đã quá hạn lãi, quá hạn gốc, yêu cầu thanh toán nợ vay cho Ngân hàng nhưng ông C1, bà C2 không hợp tác, không có thiện chí trả nợ và đến nay vẫn không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Trong tài khoản của ông C1, bà C2 mở tại Ngân hàng S – Chi nhánh R, phòng Giao dịch T còn lại số tiền là 145.786đ, Ngân hàng đã thu và trừ vào tiền lãi và phí duy trì tài khoản.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S ông Lê Văn K yêu cầu ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền tạm tính đến ngày 15/11/2018 là 991.931.354đ (Chín trăm chín mươi mốt triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 770.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 203.929.178đ, tiền lãi quá hạn là 6.547.469đ, tiền lãi phạt chậm trả lãi là 11.454.707đ và yêu cầu tính lãi phát sinh.

Trong trường hợp ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 không trả được nợ cho Ngân hàng S thì yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 057/2016/HĐTC-CN/SHB.130601 ngày 29/3/2016, giữa Ngân hàng S với ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2, anh Phạm T.A, chị Phạm Thị L.A và chị Phạm Thị Lê K.A để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Do bị đơn ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm T.A, chị Phạm Thị L.A và chị Phạm Thị Lê K.A đã được Tòa

án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên ông C1, bà C2, anh T.A, chị L.A và chị K.A không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn từ chối tiếp nhận các văn bản tố tụng, mặc dù đã được cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S

+ Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Phạm Cao C1 và bà Lê Kim C2 trả cho Ngân hàng S số tiền tạm tính đến ngày 15/11/2018 là 991.931.354đ, trong đó nợ gốc là 770.000.000đ, lãi trong hạn là 203.929.178đ, lãi quá hạn gốc là 6.547.469đ, lãi phạt chậm trả lãi là 11.454.707đ và tiền lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ. Trường hợp ông C1, bà C2 không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Cao C1 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân hàng S và ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm T.A, chị Phạm Thị L.A và chị Phạm Thị Lê K.A đã được Tòa án tống

đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông C1, bà C2, anh T.A, chị L.A và chị K.A vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C1, bà C2, anh T.A, chị L.A và chị K.A. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2, anh Phạm T.A, chị Phạm Thị L.A và chị Phạm Thị Lê K.A.

- Về nội dung tranh chấp:

[1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét thấy, ngày 29/3/2016 Ngân hàng S – Chi nhánh K, Phòng giao dịch T có ký Hợp đồng Tín dụng trung dài hạn số 057/2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130601 với ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2, để cho ông C1, bà C2 vay số tiền gốc là 770.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng), Ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 đã ký nhận đủ số tiền là 770.000.000đ. Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 057/2016/HĐTC-CN/SHB.130601 ngày 29/3/2016 giữa Ngân hàng S với ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2, anh Phạm T.A, chị Phạm Thị L.A và chị Phạm Thị Lê K.A, thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đối với các thửa đất số 300 và 446-a, tờ bản đồ số 15, diện tích 26.255m^2, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 464053, ngày 22/9/2004, mang tên hộ ông (bà) Phạm Cao C1, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Từ khi vay vốn đến nay, ông Phạm Cao C1 và bà Lê Kim C2 chỉ trả được số tiền lãi là 145.736đ (Một trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng) và không thực hiện việc trả nợ gốc theo định kỳ đã thỏa thuận với Ngân hàng S - là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định trong hợp đồng. Do đó, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 trả tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/11/2018 là 991.931.354đ (Chín trăm chín mươi mốt triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh.

[2] Xét thấy Hợp đồng Tín dụng trung dài hạn số 057/2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130601 ngày 29/3/2016 đã được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật, là hợp đồng vay có bảo đảm bằng tài sản thế chấp và hợp đồng này có thời hạn hoàn tất hợp đồng. Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng S

và ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 là hợp pháp.

[3] *Về lãi suất:* Ngân hàng S yêu cầu tính lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết tạm tính đến ngày 15/11/2018 và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Điều 91**,** Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 468 Bộ luật dân sự thì khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về lãi suất. Vì vậy, Ngân hàng S yêu cầu ông C1, bà C2 phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, lãi suất vay.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/11/2018 là 991.931.354đ (Chín trăm chín mươi mốt triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng S: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 299, Điều 323, Điều 351 Bộ luật Dân sự; các điều 56, 58, 59, 63 và 66 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 không trả nợ cho Ngân hàng S thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng S được chấp nhận nên Ngân hàng S không phải chịu án phí.

Buộc ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 phải nộp án phí là: 36.000.000đ + (3% x 191.931.354đ) = 41.757.940đ (Bốn mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 146, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 299, Điều 323, Điều 351, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 9 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2.

2. Buộc ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S tổng cộng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/11/2018 là 991.931.354đ *(Chín trăm chín mươi mốt triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng)* và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng Tín dụng trung dài hạn số 057/2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130601 ngày 29/3/2016 giữa Ngân hàng S với ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 không trả số nợ trên cho Ngân hàng S thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Chi cục

Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 057/2016/HĐTC-CN/SHB.130601 ngày 29/3/2016 giữa Ngân hàng S với ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2, anh Phạm T.A, chị Phạm Thị L.A và chị Phạm Thị Lê K.A để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S thì Ngân hàng S có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W 464053, ngày 22/9/2004, mang tên hộ ông (bà) Phạm Cao C1 cho ông Phạm Cao C1 và bà Lê Kim C2.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2 phải nộp số tiền là 36.000.000đ + (3% x 191.931.354đ) = 41.757.940đ *(Bốn mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi đồng).*

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng S số tiền là 19.996.000đ *(Mười chín triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005032 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Phạm Cao C1, bà Lê Kim C2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm T.A, chị Phạm Thị L.A và chị Phạm Thị Lê K.A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo